

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
NĂM HỌC. 2023 – 2024

Họ và tên học sinh.....Lớp:.....

A. CẤU TRÚC ĐỀ THI

I. TRẮC NGHIỆM (12 câu – 3 điểm)

1. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.
2. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung.
3. Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên.
4. Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên.
5. Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.
6. Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.
7. Hình có trục đối xứng.

II. TỰ LUẬN (4 câu – 7 điểm)

Câu 13. (1,0 điểm) Biểu diễn và so sánh các số nguyên:

- a) *Mức độ thông hiểu.* b) *Mức độ thông hiểu.*

Câu 14. (1,5 điểm) Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lí nếu có thể)

- a) *Mức độ vận dụng.* b) *Mức độ vận dụng*

Câu 15. (2,0 điểm) *Mức độ vận dụng:*

Bài toán thực tế liên quan đến ước chung, bội chung.

Câu 16. (2,0 điểm) *Mức độ thông hiểu:*

Bài toán thực tế liên quan đến chu vi và diện tích của các hình đã học (Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân). Gồm 2 câu a), b).

Câu 17. (0,5 điểm) *Mức độ vận dụng cao:*

Bài toán thực tiễn (*phức hợp, không quen thuộc*) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.

B. BÀI TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phát biểu nào đúng trong các phát biểu dưới đây?

- A. $-3 > -2$. B. $-2 > 0$. C. $-4 > 1$. D. $-5 < -3$.

Câu 2. Cho số $M = \overline{16 \ast 0}$ chữ số thích hợp để M chia hết 3,5,7 là:

- A. 2. B. 8. C. 4. D. 5.

Câu 3. Nếu $a : 5$ và $b : 5$ ($a > b$) thì:

- A. $(a + b) : 5$. B. $(a - b) : 5$. C. $(2a - b) : 5$. D. Cả A, B, C đúng.

Câu 4. Nếu $M = 12a + 14b$ thì:

- A. $M : 4$. B. $M : 2$. C. $M : 12$. D. $M : 14$.

Câu 5. Nếu $a : m$ và $b : m$ và $m \in \mathbb{N}^*$ thì:

- A. m là bội chung của a và b . B. m là ước chung của a và b .

- C. $m = \text{UCLN}(a; b)$. D. $m = \text{BCNN}(a; b)$.

Câu 6. m là số tự nhiên nhỏ nhất khác 0 mà m đều chia hết cho cả a và b thì:

- A. $m \in \text{BC}(a; b)$. B. $m \in \text{UC}(a; b)$.

- C. $m = \text{UCLN}(a; b)$. D. $m = \text{BCNN}(a; b)$.

Câu 7. Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các phần tử đều là số nguyên tố?

- A. $\{1; 3; 5; 7; 11\}$. B. $\{3; 5; 7; 11; 29\}$. C. $\{3; 5; 7; 11; 111\}$. D. $\{0; 3; 5; 7; 13\}$.

Câu 8. Các ước nguyên tố a của 18 là

- A. $a \in \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$. B. $a \in \{1; 3; 9\}$. C. $a \in \{1; 2; 3\}$. D. $a \in \{2; 3\}$.

Câu 9. Tìm ước chung của 9 và 15

- A. $\{1; 3\}$. B. $\{0; 3\}$. C. $\{1; 5\}$. D. $\{1; 3; 9\}$.

Câu 10. Tìm ƯCLN(16; 32; 112)?

- A. 4. B. 8. C. 16. D. 32.

Câu 11. Số tự nhiên a lớn nhất thỏa mãn $90 : a$ và $135 : a$ là:

- A. 15. B. 30. C. 45. D. 60.

Câu 12. Trong hai số sau, hai số nào là hai số nguyên tố cùng nhau?

- A. 2 và 6. B. 3 và 10. C. 6 và 9. D. 15 và 33.

Câu 13. Tìm số tự nhiên x , biết rằng $160 : x$; $360 : x$ và $10 < x < 20$:

- A. $x = 6$. B. $x = 9$. C. $x = 18$. D. $x = 36$.

Câu 14. Học sinh lớp 6D khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 6, hàng 8 đều vừa đủ hàng. Biết số học sinh lớp đó trong khoảng từ 40 đến 60. Số học sinh của lớp 6D là:

- A. 48. B. 54. C. 60. D. 72.

Câu 15. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. BCNN của a và b là số nhỏ nhất trong tập hợp bội chung của a và b .
 B. $BCNN(a, b, 1) = BCNN(a, b)$.
 C. Nếu $m : n$ thì $BCNN(m; n) = n$.
 D. Nếu $ƯCLN(x; y) = 1$ thì $BCNN(x; y) = 1$.

Câu 16. Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các phần tử được xếp theo thứ tự tăng dần:

- A. $\{2; -17; 5; 1; -2; 0\}$. B. $\{-2; -17; 0; 1; 2; 5\}$.
 C. $\{-17; -2; 0; 1; 2; 5\}$. D. $\{0; 1; 2; 5; -17\}$.

Câu 17. Sắp xếp các số nguyên $2; -17; 5; 1; -2; 0$ theo thứ tự giảm dần là:

- A. $5; 2; 1; 0; -2; -17$. B. $-17; -2; 0; 1; 2; 5$.
 C. $-17; 5; 2; -2; 1; 0$. D. $0; 1; -2; 2; 5; -17$.

Câu 18. Bảng sau chỉ nhiệt độ trung bình của 4 hành tinh như sau:

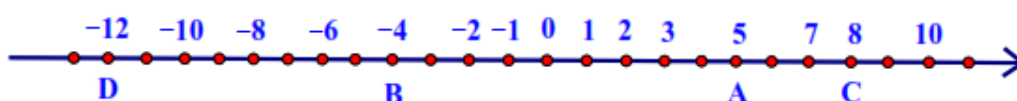


Hành tinh	Sao mộc	Sao hải vương	Sao hoả	Sao thiên vương
Nhiệt độ	-150°	-220°	-180°	-214°

Hỏi hành tinh nào lạnh nhất?

- A. Sao mộc. B. Sao hải vương. C. Sao hoả. D. Sao thiên vương.

Câu 19. Bốn số nguyên lần lượt có điểm biểu diễn trên trục số là A, B, C, D cho như hình vẽ dưới đây:



Tổng của 4 số đó là

- A. -1. B. 9. C. 0. D. -3.

Câu 20. Tập hợp các số nguyên kí hiệu là

- A. \mathbb{N} . B. \mathbb{N}^* . C. \mathbb{Z}^* . D. \mathbb{Z} .

Câu 21. Tổng các số nguyên x thỏa mãn $-10 < x \leq 13$ là:

- A. 33. B. 47. C. 2^3 . D. 46.

Câu 22. Số đối của (-18) là:

- A. 81. B. 18. C. (-18) . D. (-81) .

Câu 23. Tập hợp các số nguyên gồm

- A. các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương.
B. số 0 và các số nguyên âm.
C. các số nguyên âm và các số nguyên dương.
D. số 0 và các số nguyên dương.

Câu 24. Cho a là số nguyên âm, khẳng định nào sau đây là sai?

- A. $-a > 0$. B. $-a < 0$. C. $a^2 > 0$. D. $a^3 < 0$.

Câu 25. Cho a, b là hai số nguyên âm, khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $ab > 0$. B. $ab < 0$. C. $a + b > 0$. D. $a + b \in \mathbb{N}$.

Câu 26. Cho tập hợp $A = \{-3; 2; 0; -1; 5; 7\}$. Viết tập hợp B gồm các phần tử là số đối của các phần tử trong tập hợp A .

- A. $B = \{3; -2; 0; 1; -5; 7\}$. B. $B = \{3; -2; 0; -5; -7\}$.
C. $B = \{3; -2; 0; 1; -5; -7\}$. D. $B = \{-3; 2; 0; 1; -5; -7\}$.

Câu 27. Kết luận nào sau đây là đúng?

- A. $a - (b - c) = a + b + c$. B. $a - (b - c) = a - b - c$.
C. $a - (b - c) = -a - b - c$. D. $a - (b - c) = a - b + c$.

Câu 28. Nếu $x \cdot y > 0$ thì

- A. x, y cùng dấu. B. $x > y$. C. x, y khác dấu. D. $x < y$.

Câu 29. Giá trị của $(-3)^3$ là:

- A. -27 . B. 27. C. -9 . D. 9.

Câu 30. Tổng của hai số nguyên âm là:

- A. 1. B. 0. C. 1 số nguyên âm. D. 1 số nguyên dương.

Câu 31. Số đối của $-(-a)$ là

- A. $-a$. B. a . C. 0. D. Kết quả khác.

Câu 32. Cho $-5 - x = -11$ thì x bằng:

- A. 6. B. -6 . C. 16. D. -16 .

Câu 33. Giá trị nào dưới đây của x thỏa mãn $-6(x + 7) = 96$?

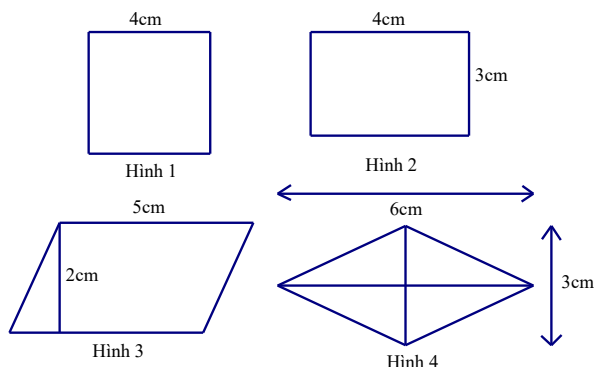
- A. $x = 95$. B. $x = -16$. C. $x = 96$. D. $x = -23$.

Câu 34. Tính nhanh $171 + [(-53) + 96 + (-171)]$.

- A. -149 . B. 43. C. 149. D. -43 .

Câu 35. Trong các hình dưới đây, hình nào có diện tích bé nhất?

- A. Hình 1.
B. Hình 2.
C. Hình 3.
D. Hình 4.



Câu 36. Hình vuông có cạnh 5cm thì chu vi và diện tích của nó lần lượt là:

- A. 20cm và 25cm. B. 20cm và 25cm^2 . C. 25cm^2 và 20cm. D. 20cm và 10cm^2 .

Câu 37. Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 10cm và 15cm thì diện tích của nó là:

- A. 300cm^2 . B. 150cm^2 . C. 75cm^2 . D. 25cm^2 .

Câu 38. Hình bình hành có diện tích 50cm^2 và một cạnh là 10cm thì chiều cao tương ứng với cạnh đó là

- A. 5cm. B. 10cm. C. 25cm. D. 50cm.

Câu 39. Hình thang có diện tích 50cm^2 và có độ dài đường cao là 5cm thì tổng hai cạnh đáy của hình thang đó bằng?

- A. 5cm. B. 10cm. C. 15cm. D. 20cm.

Câu 40. Diện tích hình chữ nhật ABCD có $AB = 4\text{cm}$, $AD = 5\text{cm}$ là

- A. 10cm^2 . B. 40cm^2 . C. 9cm^2 . D. 20cm^2 .

Câu 41. Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 30m và 20m có diện tích là

- A. 400m^2 . B. 300m^2 . C. 500m^2 . D. 600m^2 .

Câu 42. Hình bình hành có độ dài cạnh 10m và chiều cao tương ứng 6m, có diện tích là

- A. 30m^2 .. B. 25m^2 ... C. 50m^2 ... D. 60m^2 .

Câu 43. Diện tích của một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 25m, chiều dài bằng $\frac{7}{5}$ chiều rộng là

- A. $437,5\text{m}^2$. B. 750m^2 . C. 875m^2 . D. 650m^2 .

Câu 44. Hình thang cân có độ dài hai cạnh đáy và chiều cao lần lượt là 40m, 30m và 25m có chu vi là

- A. 95m. B. 120m. C. 875m^2 . D. 8750m^2 .

Câu 45. Cho hình thang cân PQRS có độ dài đáy $PQ = 20\text{cm}$, đáy RS ngắn hơn đáy PQ là 12cm, độ dài cạnh bên PS bằng một nửa độ dài đáy PQ. Chu vi của hình thang PQRS là

- A. 46m. B. 44m. C. 40m. D. 48m.

Câu 46. Bạn Hoa làm một khung ảnh có dạng hình chữ nhật PQRS với $PQ = 18\text{cm}$ và $PS = 24\text{cm}$. Độ dài viền khung ảnh bạn Hoa đã làm là

- A. 42cm. B. 84m. C. 40cm. D. 80cm.

Câu 47. Một mảnh vườn hình chữ nhật có diện tích là 3600m^2 , chiều rộng 40m. Chu vi mảnh vườn là

- A. 130cm. B. 150cm. C. 260cm. D. 250cm.

Câu 48. Sân nhà bác Hùng hình chữ nhật có chiều dài 12m và chiều rộng 9m. Bác Hùng mua loại gạch lát nền hình vuông có cạnh 0,6m. Hỏi bác Hùng cần mua bao nhiêu viên gạch để đủ lát sân?

- A. 260 viên. B. 280 viên. C. 300 viên. D. 320 viên.

Câu 49. Hình bình hành có độ dài một cạnh bằng 10cm và chiều cao tương ứng bằng 5cm thì diện tích của hình bình hành đó gấp mấy lần diện tích hình vuông có cạnh 5cm?

- A. 2. B. 3.. C. 4. D. 5.

Câu 50. Cho hình vẽ. Biết hình bình hành NEFP có diện tích bằng 45cm^2 .

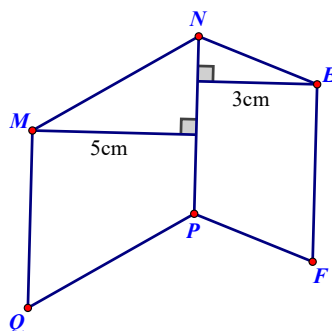
Tính diện tích MNPQ.

- A. 75cm^2 .

- B. 90cm^2 .

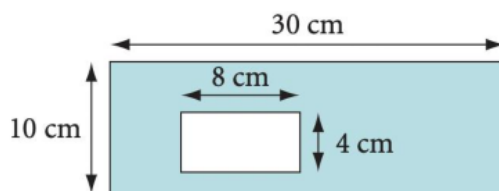
- C. 55cm^2 .

- D. 60cm^2 .



Câu 51. Diện tích hình tô đậm là:

- A. 300cm^2 .
- B. 268cm^2 .
- C. 80cm^2 .
- D. 240cm^2 .



Câu 52. Hình tam giác đều có mấy trục đối xứng:

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 0.

Câu 53. Hình nào sau đây không có tâm đối xứng

- A. Hình vuông.
- B. Hình chữ nhật.
- C. Hình bình hành.
- D. Hình tam giác đều.

Câu 54. Cho các chữ sau đây, những chữ cái có tâm đối xứng là:

H K M N X

- A. H, N.
- B. H, M, X.
- C. H, N, X.
- D. N, X.

Câu 55. Trong các phát biểu dưới đây, phát biểu nào là đúng?

- A. Tam giác đều MNP là hình có tâm đối xứng.
- B. Hình bình hành $MNPQ$ luôn nhận MP làm trục đối xứng.
- C. Hình bình hành luôn có 4 trục đối xứng.
- D. Hình thang cân luôn có trục đối xứng.

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện các phép tính sau một cách hợp lý:

- a) $[461 + (-78) + 40] + (-461)$
- b) $[53 + (-76)] - [-76 - (-53)]$
- c) $-564 + [(-724) + 564 + 224]$
- d) $-87 + (-12) - (-487) + 512$
- e) $942 - 2567 + 2563 - 1942$
- f) $1152 - (374 + 1152) + (-65 + 374)$

Bài 2. Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

- a) $58.75 + 58.50 - 58.25$
- b) $20 : 2^2 - 5^9 : 5^8$
- c) $(5^{19} : 5^{17} - 4) : 7$
- d) $-84 : 4 + 3^9 : 3^7 + 5^0$
- e) $295 - (31 - 2^2 \cdot 5)^2$
- f) $2.31.12 + 4.6.42 + 8.27.3$
- g) $2020^0 + 5^4 : 5^2 - 9.2$
- h) $2^4 \cdot 5 - [68 + 8 \cdot (37 - 35)^2] : 4$
- i) $(-2)^3 - 45 : (-3^2) + (-2019)^0 \cdot (-1)^{2019}$
- j) $[27 \cdot (-67) + 33 \cdot (-27)] : (-30)$
- k) $11^{25} : 11^{23} - 3^5 : (1^{10} + 2^3) - 60$
- l) $29 - [16 + 3 \cdot (51 - 49)]$
- m) $47 - (45.2^4 - 5^2 \cdot 12) : 14$
- n) $10^2 - 60 : (5^6 : 5^4 - 3.5)$
- o) $2345 - 1000 : [19 - 2(21 - 18)^2]$
- p) $205 - [1200 - (4^2 - 2.3)^3] : 40$
- q) $500 - \left\{ 5 \left[409 - (2^3 \cdot 3 - 21)^2 + 10^3 \right] \right\} : 15$
- r) $67 - [8 + 7 \cdot 3^2 - 24 : 6 + (9 - 7)^3] : 15$

Bài 3.

- a) Biểu diễn các số nguyên sau trên cùng một trục số. 3; -5; -2
- b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -7; 2; -15; 4; -3

Bài 4.

- a) Biểu diễn các số nguyên sau trên cùng một trục số: -3; 2; -6
- b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần. -6; 5; -11; 7; -8

Bài 5. Tìm ƯC, ƯCLN của các số sau:

a) 120; 320.

b) 126;108;306..

Bài 6. Tìm BC, BCNN của các số sau:

a) 48;54

b) 12;20;36.

Bài 7. Người ta muốn chia 374 quyển vở, 68 cái thước và 340 nhãn vở thành một số phần thưởng như nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất là bao nhiêu phần thưởng. Trong đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, thước và nhãn vở.

Bài 8. Bài toán Ủng hộ miền Trung năm 2020. Một chuyến hàng ủng hộ miền Trung có 300 thùng mì tôm, 240 thùng nước ngọt và 420 lốc sữa. Các cô chú muốn chia thành các phần quà đều nhau về số lượng mì, nước và sữa. Con hãy giúp các cô chú chia sao cho số lượng các phần quà là nhiều nhất.

Bài 9. Một tấm bìa hình chữ nhật có kích thước 75cm và 105cm. Ta muốn cắt tấm bìa thành những mảnh hình vuông nhỏ bằng nhau sao cho tấm bìa được cắt hết không thừa mảnh vụn. Tính độ dài lớn nhất của hình vuông.

Bài 10. Học sinh của một trường học khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 7, hàng 9 đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của trường, cho biết số học sinh của trường trong khoảng từ 1600 đến 2000 học sinh.

Bài 11. Một tủ sách khi xếp thành từng bó 8 cuốn, 12 cuốn, 15 cuốn đều vừa đủ bó. Cho biết số sách khoảng từ 400 đến 500 cuốn. Tính số quyển sách đó.

Bài 12. Bạn Lan và Minh Thường đến thư viện đọc sách. Lan cứ 8 ngày lại đến thư viện một lần. Minh cứ 10 ngày lại đến thư viện một lần. Lần đầu cả hai bạn cùng đến thư viện vào một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì hai bạn lại cùng đến thư viện.

Bài 13. Một mảnh vườn hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 220 m , biết đường chéo thứ nhất bằng

$\frac{2}{3}$ độ dài đường chéo thứ hai

a) Tính diện tích mảnh vườn đó.

b) Người ta dành $\frac{1}{16}$ diện tích mảnh vườn để làm nhà ở và vườn hoa.

Tính diện tích để làm nhà ở và vườn hoa.

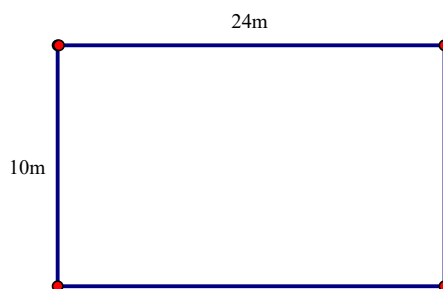
Bài 14. Một mảnh vườn hình thoi có đường chéo thứ nhất bằng 40 m , đường chéo thứ nhất hơn đường chéo thứ hai 10 m .

a) Tìm độ dài mỗi đường chéo.

b) Tính diện tích mảnh vườn.

c) Trên mảnh đất người ta dành 25% diện tích đất để trồng rau 46,5% diện tích để trồng ngô hỏi diện tích còn lại chiếm bao nhiêu diện tích mảnh vườn?

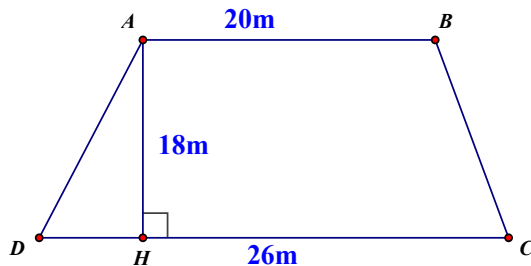
Bài 15. Một phòng họp hình chữ nhật có các kích thước như hình dưới. Biết rằng cứ mỗi $5m^2$ là người ta xếp vào đó 4 cái ghế sao cho đều nhau và kín phòng họp.



a) Tính diện tích phòng họp.

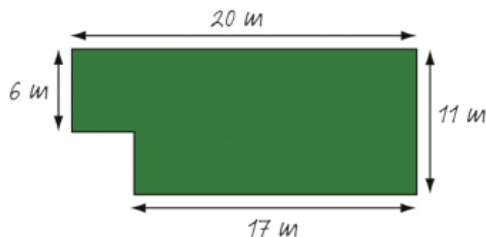
b) Hỏi phòng đó có bao nhiêu ghế?

Bài 16. Một thửa ruộng hình thang có các kích thước như hình dưới. Biết năng suất lúa là $0,8\text{kg}/\text{m}^3$.



- Tính diện tích mảnh ruộng.
- Hỏi mảnh ruộng cho sản lượng là bao nhiêu kilôgam lúa?

Bài 17. Tính diện tích và chu vi hình tạo bởi hình sau:



ĐỀ MINH HỌA

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Công thức nào sau đây thể hiện tính chất kết hợp đối với phép cộng?

- | | |
|----------------------------------|--------------------------|
| A. $a + b = b + a$. | B. $a + 0 = 0 + a = a$. |
| C. $(a + b) + c = a + (b + c)$. | D. $a + b = c$. |

Câu 2. Các khẳng định sau khẳng định nào đúng

- Nếu mỗi số hạng của tổng không chia hết cho 5 thì tổng không chia hết cho 5.
- Nếu một tổng chia hết cho 6 thì mỗi số hạng của tổng chia hết cho 6.
- Nếu $a:4$ và $b:4$ thì tích $a.b:8$
- Nếu $a:2$ và $b:5$ thì tích $a.b:10$.

Câu 3. Tập hợp các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là:

- | | | | |
|--------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------------|
| A. $\{1; 2; 3; 5; 7\}$. | B. $\{2; 3; 5; 7\}$. | C. $\{3; 5; 7\}$. | D. $\{2; 3; 5; 7; 9\}$. |
|--------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------------|

Câu 4. Phân số tối giản của $\frac{200}{2020}$ là:

- | | | | |
|------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|
| A. $\frac{100}{101}$. | B. $\frac{5}{101}$. | C. $\frac{100}{202}$. | D. $\frac{10}{101}$. |
|------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|

Câu 5. Số đối của 15 là.

- | | | | |
|--------|----------|--------|----------|
| A. 15. | B. - 15. | C. 51. | D. - 51. |
|--------|----------|--------|----------|

Câu 6. Trong các số sau, số nào là số nguyên âm lớn nhất có ba chữ số?

- | | | | |
|-----------|-----------|-----------|-----------|
| A. - 999. | B. - 111. | C. - 100. | D. - 102. |
|-----------|-----------|-----------|-----------|

Câu 7. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- | | | | |
|-----------------|------------------|----------------|----------------|
| A. $- 12 > 9$. | B. $- 6 < - 7$. | C. $- 5 < 0$. | D. $- 10 = 10$ |
|-----------------|------------------|----------------|----------------|

Câu 8. Độ sâu trung bình của toàn bộ đại dương là 3 500 m dưới mực nước biển. Số nguyên âm biểu thị độ sâu đó là:

- | | | | |
|-------------|---------------|---------------|-------------|
| A. 3 500 m. | B. - 3 000 m. | C. - 3 500 m. | D. - 500 m. |
|-------------|---------------|---------------|-------------|

Câu 9. Hình bình hành có tính chất nào sau đây?

- A. Hai cạnh đối song với nhau.
C. Hai đường chéo bằng nhau.

- B. Bốn cạnh bằng nhau.
D. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 10. Đặc điểm nào dưới đây **không phải** là tính chất của hình thoi?

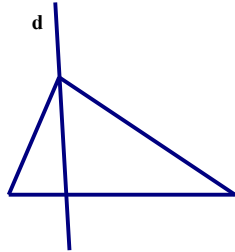
- A. Bốn cạnh bằng nhau.
C. Hai đường chéo bằng nhau.

- B. Hai cạnh đối song với nhau.
D. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

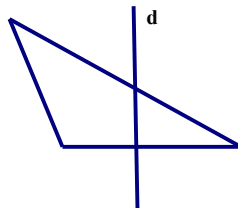
Câu 11. Cho hình thoi ABCD. Biết $AB = 3$ cm. Chu vi của hình thoi ABCD là.

- A. 6 cm. B. 10 cm. C. 12 cm. D. 5 cm.

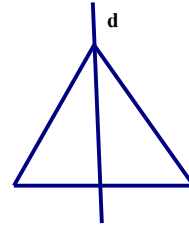
Câu 12. Trong các hình sau, hình nào nhận đường thẳng d làm trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Không hình nào cả.

II. TỰ LUẬN

Câu 13.

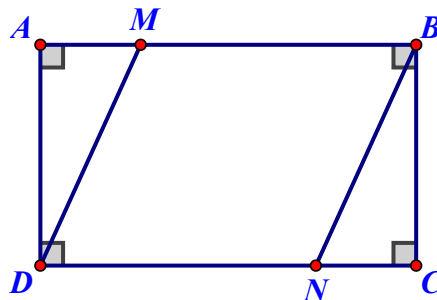
- a) Biểu diễn các số nguyên sau trên cùng một trục số: 3; -5; -2
b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -7; 2; -15; 4; -3

Câu 14. Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lí nếu có thể)

- a) $[461 + (-78) + 40] + (-461)$
b) $2345 - 1000 : [19 - 2(21 - 18)^2]$

Câu 15. Lớp 6A có 18 bạn nam và 24 bạn nữ. Trong một buổi sinh hoạt lớp, bạn lớp trưởng dự kiến chia các bạn thành từng nhóm sao cho số bạn nam trong mỗi nhóm đều bằng nhau và số bạn nữ cũng vậy. Hỏi lớp có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?

Câu 16. Hình chữ nhật ABCD có $AB = 15$ cm, $BC = 7$ cm. Các điểm M, N trên cạnh AB, CD sao cho $AM = CN = 4$ cm. Nối DM, BN ta được hình bình hành MBND (như hình vẽ). Tính:



- a) Diện tích hình bình hành MBND.
b) Tổng diện tích hai tam giác AMD và BCN.

Câu 17. Với mọi số tự nhiên a, b nếu $5a + 3b$ và $13a + 8b$ cùng chia hết cho 2021 thì a và b cũng chia hết cho 2021.

Chúc các bạn ôn tập tốt